

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt phương án bồi thường và hỗ trợ cho các hộ gia đình bị ảnh hưởng do GPMB để thực hiện dự án khu tái định cư phía Bắc công viên khoa học tại Khu vực 2, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn (Đợt 3)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 28/5/2019, Quyết định số 58/2019/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 và Quyết định số 09/2022/QĐ-UBND ngày 29/3/2022 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định kèm theo Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh về ban hành bảng giá đất các loại đất định kỳ 5 năm (năm 2020 - 2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 của UBND tỉnh về ban hành đơn giá bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về cây cối, hoa màu khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 21/2023/QĐ-UBND ngày 14/5/2023 của UBND tỉnh ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về nhà cửa, vật kiến trúc và mồ mả khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Theo đề nghị của Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh tại Tờ trình số 98/TTr-HĐBT ngày 30/6/2023 và ý kiến thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 916/TTr-STNMT ngày 28/7/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường và hỗ trợ cho các hộ gia đình bị ảnh hưởng do GPMB để thực hiện dự án Khu tái định cư phía Bắc công viên khoa học tại Khu vực 2, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn (Đợt 3), với các nội dung cụ thể như sau:

1. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ và chi phí phục vụ công tác bồi thường, GPMB là **19.950.809.253 đồng** (*Bằng chữ: Mười chín tỷ, chín trăm năm mươi triệu, tám trăm lẻ chín ngàn, hai trăm năm mươi ba đồng*); trong đó:

- Giá trị bồi thường, hỗ trợ : 19.519.616.915 đồng;
- Thưởng đẩy nhanh tiến độ GPMB : 40.000.000 đồng;
- Chi phí phục vụ công tác GPMB : 391.192.338 đồng.

(*Trong đó, chi phí thẩm định 0,2% là 39.119.000 đồng, đã bao gồm chi phí thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường là 27.383.000 đồng*)

Nguồn vốn: Ngân sách Nhà nước.

(*Chi tiết theo Phụ lục đính kèm*)

Điều 2. Giao Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị và địa phương liên quan tổ chức triển khai thực hiện phương án đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Trưởng ban Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K8, K16.

lon



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lâm Hải Giang

Phụ lục
BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ DO GPMB
Dự án: Khu tái định cư phía Bắc công viên khoa học tại khu vực 2, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn (Đợt 3)
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định)

Stt	Hộ gia đình, cá nhân	Địa chỉ	Theo hồ sơ đo đạc hiện trạng năm 2020				Diện tích đất được bồi thường, hỗ trợ (m ²)			Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)						
			Số thửa	Tờ BĐ	Loại đất	Diện tích thu hồi (m ²)	Đất ở	Đất vườn	Đất nông nghiệp	Bồi thường đất	Bồi thường, hỗ trợ nhà cửa, vật kiến trúc	Bồi thường cây cối	Hỗ trợ tự chuyển đổi nghề và tạo việc làm	Hỗ trợ khi thu hồi đất vườn	Các khoản BT, HT khác và thưởng GPMB	Tổng
1	Dương Thị Thanh Lan	Tổ 7, KV2, P. Ghềnh Ráng	200	2	BHK	114,4	0,00	0,00	114,4	18.624.320	101.158.816	1.386.000	38.361.600	0	8.928.000	168.458.736
2	Nguyễn Văn Vinh, vợ Nguyễn Thị Minh Thu	Tổ 7, KV2, P. Ghềnh Ráng	52	2	BHK	212,1	0,00	0,00	212,1	34.529.880	0	40.169.000	73.926.000	0	0	148.624.880
3	Huỳnh Kim Hùng, vợ Hồ Thị Thủy	Tổ 7, KV2, P. Ghềnh Ráng	520	2	BHK	608,2	0,00	0,00	608,2	99.014.960	304.844.300	102.528.000	246.770.760	0	5.000.000	758.158.020
4	Phạm Thị Ngọc, con Nguyễn Duy Giang	Tổ 7, KV2, P. Ghềnh Ráng	42	2	BHK	601,9	0,00	0,00	601,9	97.989.320	604.884.070	103.440.000	94.887.240	0	22.856.000	924.056.630
5	Trần Thị Thái, con Dương Minh Điệp	Tổ 7, KV2, P. Ghềnh Ráng	8	2	LUK	764,3	0,00	0,00	764,3	124.428.040	0	180.538.400	309.672.240	0	0	614.638.680
6	Phạm Ngọc Hạnh	Tổ 7, KV2, P. Ghềnh Ráng	41	2	LUC	1.346,6	0,00	0,00	1.346,6	219.226.480	0	427.366.600	565.154.280	0	13.392.000	1.225.139.360
7	Trần Minh Hoàng, vợ Phan Thị Tuyết Sương	Tổ 7, KV2, P. Ghềnh Ráng	37 +312	2	ODT+ BHK	759,4	125,50	633,90	0,0	646.695.500	996.759.136	84.120.200	241.158.600	1.000.000.000	59.284.000	3.028.017.436
8	Huỳnh Duy Thái	Tổ 7, KV2, P. Ghềnh Ráng	35	2	ODT+ BHK	413,9	80,00	333,90	0,0	410.343.000	336.776.827	42.408.000	131.685.960	667.800.000	77.140.000	1.666.153.787
9	Nguyễn Ngọc Tri, vợ Nguyễn Thị Hóa	Tổ 7, KV2, P. Ghềnh Ráng	34	2	ODT+ BHK	267,6	80,00	187,60	0,0	356.212.000	548.638.157	12.483.600	63.567.480	375.200.000	54.820.000	1.410.921.237
10	Hồ Thị Que	Tổ 7, KV2, P. Ghềnh Ráng	43 +309 +323	2	ODT+ BHK	753,0	205,00	548,00	0,0	851.785.000	1.760.250.594	48.738.400	188.291.520	875.000.000	68.212.000	3.792.277.514

Stt	Hộ gia đình, cá nhân	Địa chỉ	Theo hồ sơ đo đạc hiện trạng năm 2020				Diện tích đất được bồi thường, hỗ trợ (m ²)			Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)						
			Số thửa	Tờ BĐ	Loại đất	Diện tích thu hồi (m ²)	Đất ở	Đất vườn	Đất nông nghiệp	Bồi thường đất	Bồi thường, hỗ trợ nhà cửa, vật kiến trúc	Bồi thường cây cối	Hỗ trợ tự chuyển đổi nghề và tạo việc làm	Hỗ trợ khi thu hồi đất vườn	Các khoản BT, HT khác và thưởng GPMB	Tổng
11	Nguyễn Văn Vinh vợ Nguyễn Thị Minh Thư	Tổ 7, KV2, P. Ghềnh Ráng	296	2	ODT+BHK	503,8	80,00	21,90	401,9	320.332.320	737.224.122	57.117.000	114.631.920	38.325.000	68.212.000	1.335.842.362
12	Huỳnh Kim Hùng, vợ Hồ Thị Thủy	Tổ 7, KV2, P. Ghềnh Ráng	33 +293 +294 +297 +519	2	ODT+BHK	2.243,0	82,55	1.910,8	249,7	1.041.453.910	1.320.038.504	223.454.300	811.849.560	1.000.000.000	90.532.000	4.487.328.274
A	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ					8.588,20	653,05	3.636,05	4.299,10	4.220.634.730	6.710.574.525	1.323.749.500	2.879.957.160	3.956.325.000	468.376.000	19.559.616.915
B	Chi phí phục vụ công tác GPMB 2%: (A) x 2%															391.192.338
C	Tổng cộng: (A)+(B)															19.950.809.253

